

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 12/6/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Minh Nhựt**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dư Công Thử;**

2. Ông **Võ Thời.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mỹ Dung** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông **Lê Minh Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hoài T**, sinh Thu: 1982; Địa chỉ: Số 2/5 đường 2/4 Thị trấn TM huyện DD tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Hoàng Xuân H**, sinh Thu: 1978; Địa chỉ: Số 2/5 đường 2/4 Thị trấn TM huyện DD tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt, ông H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Hoài T trình bày:

Bà và ông Hoàng Xuân H yêu thương tự nguyện kết hôn chung sống cùng nhau, hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2003 đăng ký kết hôn ngày 01/6/2003 tại UBND xã QT huyện QL tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì anh H thường xuyên uống rượu và chửi mắng vợ con mâu thuẫn từ đó ngày càng nặng. Bà và ông H sống ly thân 4 năm nay mặc ái nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm đã hết bà yêu cầu ly hôn ông Hoàng Xuân H.

Về con chung: Bà Lê Thị Hoài T xác nhận có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Thanh P, sinh ngày 20/11/2003; cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày: 24/02/2007, Hoàng Thị Khánh H, sinh ngày: 25/01/2010. Ly hôn, bà yêu cầu nuôi cháu H còn cháu Khánh Hnguyên vọng ở với ba thì giao cho anh H nuôi dưỡng. Cháu P đã trưởng thành nên không cần xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông H vắng mặt nhưng trong buổi hòa giải ông vẫn không đồng ý ly hôn, chỉ đồng ý về việc thỏa thuận nuôi con chung là ông nuôi cháu Khánh H, giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng, còn cháu P đã trưởng thành tự lo. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các bên được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Hoài T và ông Hoàng Xuân H được ly hôn; Về con chung giao cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày: 24/02/2007 cho bà T nuôi dưỡng giáo dục, giao cháu Hoàng Thị Khánh H, sinh ngày: 25/01/2010 cho ông H nuôi dưỡng giáo dục không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị Hoài T và ông Hoàng Xuân H. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn TM huyện DD, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DD theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông H đã được tại UBND xã QT huyện QL tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/2003 ngày 01/6/2003, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký kết hôn cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo bà T thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu và chửi mắng vợ con mâu thuẫn từ đó ngày càng nặng, bất đồng mọi quan điểm trong cuộc sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Cả hai sống ly thân 4 năm nay mặc ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau.

Như vậy, việc mâu thuẫn của vợ chồng bà T và ông H là có thật. Phía ông H cho rằng mâu thuẫn không lớn việc ly hôn ông sợ làm ảnh hưởng các con. Xét mặc dù bản thân ông H vẫn còn tình cảm yêu thương bà T nhưng bà T không còn tình cảm, cương quyết ly hôn và qua xác minh các con thể hiện việc vợ chồng ông H bà T không hòa hợp, mâu thuẫn đã lâu, nhiều lần xảy ra xô xát, hiện nay vợ chồng ly thân mặc ai nấy sống. Như vậy hôn nhân giữa bà T và ông H mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T,

cho bà T và ông H được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà T yêu cầu khi ly hôn được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hoàng Xuân H, giao cháu Hoàng Thị Khánh H cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông H trong quá trình hòa giải cũng đồng ý giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng, giáo dục; ông nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H trong quá trình giải quyết vụ án không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Hoài T đối với bị đơn ông Hoàng Xuân H.

Cho bà Lê Thị Hoài T và ông Hoàng Xuân H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao Hoàng Xuân H, sinh ngày: 24/02/2007 cho bà Lê Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; giao cháu Hoàng Thị Khánh H, sinh ngày: 25/01/2010 cho ông Hoàng Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Hoài T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002442 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DD. Ông Hoàng Xuân H không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND tt Thạnh Mỹ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Minh Nhật

